

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.26

Group G14
Round 6
Board 1

WHITE Li, Peishan						FED CHN			RESULT (W) 0		
BLACK Tong, Yiyi						FED CHN			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	dau	Nf6	41	f5	Re5	61	Bb5	Rg3
2	Nf6	Nh6	22	Bd3	Re7	42	Rb2	Re7	62	Bf1	Kg7
3	Bd4	Bd5	23	f3	Rc8	43	Bb6	Pd8	63	Bb5	Rh3
4	O-O	Nf6	24	Rf4	Qd7	44	Qd4	Kg7	64	Kg4	Re3
5	d3	d6	25	d5	Rea7	45	Kf2	Ra7	65	Kh4	Re4
6	c3	Bb6	26	Rb6	Rb6	46	Kf3	h5	66	Kg3	Re5
7	a4	a5	27	Bb5	Ru7	47	Dh2	g4	67	Kf4	Rd5
8	Na3	h6	28	Bb6	Nd7	48	Ke3	Pf8	68	Bb6	Re5
9	Bb5	Be6	29	Du1	Nu5	49	Rk4	Re7	69	Df3	Kf7
10	Nu4	Bu4	30	Ru3	Re7	50	Qd4	Qa7	70	Kd4	Ke7
11	Bu4	Re7	31	Re3	f3	51	h3	Pf7	71	Bh5	d5
12	Be3	nd7	32	af5	af7	52	Pb4	po7	72	Kd4	Kd6
13	Re1	o-o	33	Bb5	g6	53	Qd1	Ra7	73		
14	Bb5	Ra8	34	Rf4	Kg7	54	Qd4	h-a	74		
15	d4	Qd1	35	Re2	Re7	55	Ra4	Ra4	75		
16	Nd4	Nd4	36	Rd2	Re5	56	Ra4	Qd4	76		
17	Bd4	Bd4	37	f4	Re7	57	Kd4	g4	77		
18	col	cb	38	Rd4	Kh7	58	gh	h4	78		
19	Bu4	Rfe8	39	b4	ab	59	Ke3	Kh6	79		
20	Rd2	bb	40	Rb4	g5	60	Kf4	Rg7	80		
SIGNATURE (WHITE) Li Peishan			SIGNATURE (BLACK) Tong Yiyi			SIGNATURE (ARBITER) lin					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.26

Group G14
Round 6
Board 1

WHITE Li, Peishan						FED CHN			RESULT (W) 0		
BLACK Tong, Yiyi						FED CHN			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Rc1	Nf6	41	f5	Re5	61	Bb5	Rg3
2	Nf6	Nh6	22	Bd3	Re7	42	Rb2	Re7	62	Bf1	Kg7
3	Bd4	Bd5	23	f3	Rc8	43	Bb6	Pd8	63	Bb5	Rh3
4	O-O	Nf6	24	Rf4	Qd7	44	Qd4	Kg7	64	Kg4	Re3
5	d3	d6	25	d5	Rea7	45	Kf2	Ra7	65	Kh4	Re4
6	c3	Bb6	26	Rb6	Rb6	46	Kf3	h5	66	Kg3	Re5
7	a4	a5	27	Bb5	Ru7	47	Dh2	g4	67	Kf4	Rd5
8	Na3	h6	28	Bb6	Nd7	48	Ke3	Pf8	68	Bb6	Re5
9	Bb5	Be6	29	Du1	Nu5	49	Rk4	Re7	69	Df3	Kf7
10	Nu4	Bu4	30	Ru3	Re7	50	Qd4	Qa7	70	Kd4	Ke7
11	Bu4	Re7	31	Re3	f3	51	h3	Pf7	71	Bh5	d5
12	Be3	nd7	32	af5	af7	52	Pb4	po7	72	Kd4	Kd6
13	Re1	o-o	33	Bb5	g6	53	Qd1	Ra7	73		
14	Bb5	Ra8	34	Rf4	Kg7	54	Qd4	h-a	74		
15	d4	Qd1	35	Re2	Re7	55	Ra4	Ra4	75		
16	Nd4	Nd4	36	Rd2	Re5	56	Ra4	Qd4	76		
17	Bd4	Bd4	37	f4	Re7	57	Kd4	g4	77		
18	col	cb	38	Rd4	Kh7	58	gh	h4	78		
19	Bu4	Rfe8	39	b4	ab	59	Ke3	Kh6	79		
20	Rd2	bb	40	Rb4	g5	60	Kf4	Rg7	80		
SIGNATURE (WHITE) Li Peishan			SIGNATURE (BLACK) Tong Yiyi			SIGNATURE (ARBITER) lin					

12-18

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

26/08

Group

G14

Round

06

Board

02

WHITE Nguyen Ngoc Truc Quynh						FED VIE		RESULT(W) 1/2			
BLACK Egshigten Bayasgalan						FED MGL		RESULT(B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nf3	Ne7	41	Kf3	g5	61		
2	Nf3	d6	22	Bd2	a4	42	fg		62		
3	Bb5	Nd7	23	Ne3	a3	43			63		
4	c4	a6	24	ba	Ra3	44			64		
5	Bd7	Bd7	25	Bc1	Ra7	45			65		
6	O-O	e5	26	a3	Ba4	46			66		
7	Ne3	Ne7	27	Qd2	b3	47			67		
8	d3	b5	28	Nd1	Nc6	48			68		
9	f3	b4	29	Nc3	Nd4	49			69		
10	Ne2	Nc6	30	Rj1	O-O	50			70		
11	Nh2	Be7	31	Na4	Ra4	51			71		
12	h4	a5	32	Bb2	Nc2	52			72		
13	g5	Bg5	33	Rab1	Na5	53			73		
14	Ng4	h5	34	Ra3	Ra3	54			74		
15	Ne5	Be3	35	Rb2	Rja8	55			75		
16	Be3	Qe7	36	Rjb1	Qb7	56			76		
17	Rj2	g6	37	Qd1	Rb8	57			77		
18	Ng3	Qj7	38	Qe1	Qb4	58			78		
19	Rj3	R4	39	Qb4	Rb4	59			79		
20	SR3	R5	40	Kl2	KR7	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
			Egshigten.			lin					

12-18

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

08.26

Group

G14

Round

6

Board

02

WHITE Nguyen Ngoc Truc Quynh.						FED VIE		RESULT(W) 1/2			
BLACK Egshigten Bayasgalan.						FED MGL		RESULT(B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4.	c5.	21	Bd2.	a4.	41	fg.		61		
2	Nf3.	d6.	22	Ne3.	a3.	42			62		
3	Bb5.	Nd7.	23	ba.	Ra3.	43			63		
4	c4.	a6.	24	Bc1.	Ra7.	44			64		
5	Bd7.	Bd7.	25	a3.	Ba4.	45			65		
6	O-O.	e5.	26	Qd2.	b3.	46			66		
7	Nc3.	Ne7.	27	Nb1.	Nc6.	47			67		
8	d3.	b5.	28	Nc3.	Nd4.	48			68		
9	h3.	b4.	29	Rf1.	O-O.	49			69		
10	Ne2.	Nc6.	30	Na4.	Ra4.	50			70		
11	Nh2.	Be7.	31	Bb2.	Nc2.	51			71		
12	f4.	a5.	32	Rb1.	Na3.	52			72		
13	f5.	Bg5.	33	Ba3.	Ra3.	53			73		
14	Ng4.	h5.	34	Rb2.	Rfa8.	54			74		
15	Ne3.	Be3.	35	Rfb1.	Qb7.	55			75		
16	Be3.	Qe7.	36	Qd1.	Rb8.	56			76		
17	Rf2.	f6.	37	Qe1.	Qb4.	57			77		
18	Ng3.	Qf7.	38	Qb5.	Rb5.	58			78		
19	Rf3.	h4.	39	Kf2.	Kf7.	59			79		
20	Nf1.	Ne7.	40	Kf3.	g5.	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
			Egshigten.			lin					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
2026.08.26

Group
G14
Round
6
Board
3

WHITE Gao, Ruoya						FED CHN			RESULT (W) 1/2		
BLACK Nicolas, Nika Juris						FED PHI			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	cd	e5	41	Nd5	Bh4	61	R4c6	Re5
2	Nf3	e6	22	Be5	Nex	42	Rc2	Qg7	62	gf	Qd2
3	d4	cd	23	Qe5	Kf8	43	Nb6	Re5	63	Kh3	Qf2
4	Nd4	Nc6	24	Rc1	Re8	44	Qd4	Re1	64	Rg6	Kh5
5	Nc3	Qc7	25	Qf4	Qd2	45	Bf1	Bd7	65	Rc3	Qg8
6	Be2	ab	26	Qdb	Kg7	46	Qf6	Rf1	66		
7	Nc6	bc	27	Rc7	Qb5	47	Rf1	Qf6	67		
8	Qd3	d5	28	g3	Bc8	48	Nd7	Qd6	68		
9	Qg3	Qb6	29	Bj2	Bf5	49	Nf8	Qf8	69		
10	Q0	Nf6	30	Rc6	Bg5	50	Rc4	Qdb	70		
11	Bj5	Bb7	31	Qc5	Qe2	51	Rb1	Qd2	71		
12	Rad1	h6	32	Qd4	Kf7	52	Rk2	Qd1	72		
13	Be3	Qd8	33	Rc7	Rf8	53	Kj2	187	73		
14	Bf3	g6	34	Nc3	Qb3	54	b4	e5	74		
15	Na4	Qa5	35	g4	Bd8	55	ba	Qd5	75		
16	b3	Nd7	36	Rc6	Bd7	56	fs	Qa5	76		
17	Bd4	Rg8	37	Rc4	Qg3	57	e4	Qe6	77		
18	ed	cd	38	d6	Re6	58	Re4	fs	78		
19	c4	Be7	39	Rd1	Bf6	59	Rc7	Kf6	79		
20	Bc3	Bb4	40	Qc5	Qb2	60	Rec4	Qa5	80		
SIGNATURE (WHITE) Gao			SIGNATURE (BLACK) Nicolas			SIGNATURE (ARBITER) Jim					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
08/26/26

Group
G14
Round
6
Board
3

WHITE Gao, Ruoya						FED CHN			RESULT (W) 1/2		
BLACK Nicolas, Nika Juris						FED PHI			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Cf5	e5	41	Nd5	Kf6	61	R4c6	Kg8
2	Nf3	e6	22	Bd5	Nf5	42	Rc2	Qg7	62	gxf5	Qd2
3	d4	Cxh4	23	Ka5	1/8	43	Nb6	Rc5	63	Kf3	Qf2
4	Nd4	Nc6	24	Rc1	Re8	44	Qd4	Rd4	64	Rxg6	Kh5
5	Nc3	Qc7	25	Qf4	Rd2	45	Bd1	Bf6	65	Kg8	Qg8
6	Be2	a6	26	Qf6	Kg7	46	Qf6	Rd1	66		
7	Nxc6	bxc6	27	Rc2	Qb5	47	Rd1	Qf6	67		
8	Qd3	d5	28	g3	Bc8	48	Nd7	Qd6	68		
9	Qg3	Qb6	29	Bg2	Bf5	49	Nf8	Qf8	69		
10	O-O	Nf6	30	Rc6	Bg5	50	Rc4	Qdb	70		
11	Bg5	Bb7	31	Qc5	Qe2	51	Rd1	Qd2	71		
12	Rad1	h6	32	Qd4	Kf7	52	Rk2	Qd1	72		
13	Be3	Qd8	33	Rc7	Rf8	53	Kj2	187	73		
14	Bf3	g6	34	Nc3	Qb3	54	b4	e5	74		
15	Na4	Qa5	35	g4	Bd8	55	ba	Qd5	75		
16	b3	Nd7	36	Rc6	Bd7	56	fs	Qa5	76		
17	Bd4	Rg8	37	Rc4	Qg3	57	e4	Qe6	77		
18	exd5	Cxd5	38	N6	Rc5	58	Rc7	fs	78		
19	c4	Bc7	39	Rd1	Bf6	59	Rc7	Kf6	79		
20	Bc3	Bb4	40	Qc5	Qb2	60	Rec4	Qa5	80		
SIGNATURE (WHITE) Gao			SIGNATURE (BLACK) Nicolas			SIGNATURE (ARBITER) Jim					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

2026.8.26

Group

G14

Round

6

Board

4

WHITE Khulan Bayarsaikhan						FED MGL			RESULT (W) 0		
BLACK Rosnizam, Izz Zara Aisyah						FED MAS			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	e4	Qa8	41	ag	bxa4	61	bxc4	Kc7
2	c4	e6	22	f3	We5	42	Nxa4	Kc7	62	Nd5	Nx5
3	Wc3	Nf6	23	f4	Wg6	43	Nbb6	Nc6	63	Nxa4	Kc6
4	Bg5	K6	24	Nxf6	Bxf6	44	Nc4	Nd5	64	Kc3	Kd5
5	e3	h6	25	Qe3	Bxf6	45	Nag	Bd6	65	Nb3	Kc5
6	Nh4	Nbd7	26	Rxd4	Rxd4	46	Nc2	Nb7	66	Kd1	Kc4
7	Nf3	Bc7	27	Qxd4	Nxe4	47	Nc4	Bc8	67	Kc3	Nc2
8	Nd3	dxc4	28	g3	Nf5	48	Nd6	Nb7	68	Nxc2	Kxc2
9	Nxc4	b5	29	Kc1	Rc6	49	Nh7	Bxb7	69	Kc4	Kd2
10	Bd3	a6	30	Rc1	Qf3	50	Nc4	Bc8	70	Kc5	Kc3
11	O-O	c5	31	Nd1	Qd3	51	b5	gxb5	71	Kf6	Kf3
12	dxc5	Nxc5	32	Qxd3	Bxd3	52	Nxb7	h4	72	Kxf7	Kg3
13	Bc2	O-O	33	Nd2	Rxc1	53	Nc4	Bc8	73	Kg6	Kc4
14	b4	Nd7	34	Nxc1	Bc4	54	Nc4	h5	74	K5	Kxf5
15	a3	Nb7	35	Kf2	Nc7	55	Nc4	h5	75	Kxf5	Kg3
16	Kc1	Kc8	36	Kc3	Bb7	56	Kd7	Kd7	76		
17	Nb3	Qb6	37	Kc4	Rg8	57	Kd4	Kd6	77		
18	Qc2	Rfd8	38	Nc2	Kf8	58	Nb3	Bc6	78		
19	Rfd1	Qa7	39	Nc3	Kep	59	Nc2	Bc3	79		
20	Nd4	Kh8	40	Kc5	Kd7	60	Ba4	Ba4	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Khulan.			Izz.			Izz.					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

2026.8.26

Group

G14

Round

6

Board

4

WHITE Khulan Bayarsaikhan						FED MGL			RESULT (W) 0		
BLACK Rosnizam, Izz Zara Aisyah						FED MAS			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	e4	Qa8	41	Nxa4	bxa4	61	Be8	Kc7
2	c4	e6	22	f3	We5	42	Nxa4	Kc7	62	Bb5	Bf5
3	Na3	Nf6	23	f4	Ng6	43	Nb6	Nc6	63	Ba4	Kd6
4	Bg5	K6	24	Bf6	Bf6	44	Nc4	Nd8	64	Ke3	Kd5
5	e3	h6	25	Qe3	Bxf6	45	Na5	Ba2	65	Bb3	Kc5
6	Bh4	Nbd7	26	Rd4	Rd4	46	Be2	Bb7	66	Bd3	Kc4
7	Nf3	Bc7	27	Qd4	Ba4	47	Nc4	Bc2	67	Ba4	Kc3
8	Bd3	dc	28	g3	Nf5	48	Nd6	Nb7	68	Bd1	Bc2
9	Bc4	b5	29	Re1	Qc6	49	Nb7	Bb7	69	Bc2	Bc2
10	Bb3	a6	30	Re1	Qf5	50	Bc8	Bc8	70	Kd4	Kd2
11	O-O	c5	31	Ba4	Qa8	51	Bb5	a6	71	Kd5	Ke3
12	dc	Nc5	32	Qd3	Ba3	52	Bb5	Bd7	72	Kf6	Kf3
13	Bd2	O-O	33	Nd2	Rc1	53	Kc4	Be2	73	Kf3	Kg3
14	b4	Nd7	34	Nc1	Be4	54	h4	h5	74	Kg8	Kh4
15	a3	Bb7	35	Kf2	Nc7	55	Be2	g8	75	K5	ef
16	Re1	Re8	36	Ke3	Bb7	56	Bc4	Kd7	76	Kf5	Kg3
17	Bb3	Qb6	37	Kd4	Kg8	57	Kd4	Kd6	77		
18	Qe2	Rf8	38	Nd2	Kf8	58	Bd3	Bc8	78		
19	Rfd1	Qa7	39	Nc3	Ke8	59	Bb2	Bf3	79		
20	Nd4	Kh8	40	Kc5	Kd7	60	Ba4	Ba4	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Khulan			Izz.			Izz.					

11:10

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
26th Aug

Group
G14
Round
6
Board
5

WHITE Dawn, Chavi Alisha Egbert						FED INA			RESULT (W) 1		
BLACK Wong, En Ting Alesa						FED SGP			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Bd5	Kg7	41			61		
2	Nf3	Nc3	22	Be4	Kh8	42			62		
3	Bc4	Bc5	23	Qf5	kg8	43			63		
4	d3	Nf6	24	Bxf7		44			64		
5	Nc3	h6	25			45			65		
6	Be3	Bb6	26			46			66		
7	Qd2	O-O	27			47			67		
8	Qd2	d6	28			48			68		
9	h3	Bf6	29			49			69		
10	Nd5	Bxd5	30			50			70		
11	exd5	Ne7	31			51			71		
12	Bxh6	gxf6	32			52			72		
13	as	Bxf7	33			53			73		
14	Qxf7	Kh7	34			54			74		
15	Nxe5	Ne7	35			55			75		
16	Ng2	Qe7	36			56			76		
17	Kd2	Nxg4	37			57			77		
18	Qf5	Kh8	38			58			78		
19	Nxg4	Qe3	39			59			79		
20	Kd1	Qe3	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER) lin					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
26/08/2026

Group
G14
Round
6
Board
5

WHITE Dawn Chavi Alisha Egbert						FED INA			RESULT (W) 1		
BLACK Wong, En Ting Alesa						FED SGP			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Bd5	Kg7	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Be4	Kh8	42			62		
3	Bc4	Bc5	23	Qf5	kg8	43			63		
4	d3	Nf6	24	Qxf7		44			64		
5	Nc3	h6	25			45			65		
6	Be3	Bb6	26			46			66		
7	Qd2	O-O	27			47			67		
8	Qd2	d6	28			48			68		
9	h3	Bf6	29			49			69		
10	Nd5	Bxd5	30			50			70		
11	exd5	Ne7	31			51			71		
12	Bxh6	gxf6	32			52			72		
13	as	Bxf7	33			53			73		
14	Qxf7	Kh7	34			54			74		
15	Nxe5	Ne7	35			55			75		
16	Ng4	Qe7	36			56			76		
17	Kd2	Nxg4	37			57			77		
18	Qf5	Kh8	38			58			78		
19	Nxg4	Qe3	39			59			79		
20	Kd1	Qe3	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER) lin					

12-12

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group
G14
Round
6
Board
6

WHITE Wang, Lexi						FED CHN		RESULT (W) 1			
BLACK Pellet, Yuna						FED JPN		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Ke2	g5	41		Ng5	61		
2	c4	c6	22	hxg5	Bxg5	42	Kg6	Nf7	62		
3	Nf6	e3	23	Rh5	a5	43	Be4	Rg8	63		
4	Bg4	Qb3	24	b4	cxb5	44	Kf5	Rg5	64		
5	Qb6	Ne5	25	Bxb5	Nxc6	45	Rxg5	hxg5	65		
6	Qxb3	axb3	26	bxa5	Rxa5	46	Kg6	Nd8	66		
7	Bf5	o-o	27	Rxa5	Nxa5	47	Bd5	Nc6	67		
8	eb5	No3	28	Bd7	Kf7	48	Bxc6	bxc6	68		
9	Be7	b4	29	f4	Bd8	49	e4	Ke6	69		
10	o-o	b5	30	g5	exf5	50	Kg7	Ke7	70		
11	Rd5	Na4	31	Rxf5	Bf6	51	e5	fxc5	71		
12	ab5	a6	32	Nxa5	Rd8	52	dxe5	Ke6	72		
13	Nb6	Ra7	33	Bb5	Ke6	53	Kg6	Kxe5	73		
14	Bd2	Re8	34	Nf4	Kf7	54	Ke6	Kg6	74		
15	Be2	Ne4	35	Nf5	Ke7	55	Ke7	Kf5	75		
16	g4	Bg6	36	Nxf6	gxft	56	Kf7	g5	76		
17	h4	h6	37	Rh8	Kf3	57	Kg7	Ke6	77		
18	Nxg6	fxg6	38	Nb3	Kf4	58	Kg6	Kd6	78		
19	Bd3	Nxd2	39	Nd2	Kf5	59	Kxg5	Kxct	79		
20	Kxd2	Rf8	40	Nf3	Bd7	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Wang			Pellet			lin					

12-12

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group
G14
Round
6
Board
6

WHITE Wang, Lexi						FED CHN		RESULT (W) 1			
BLACK Pellet, Yuna						FED JPN		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Ke2	g5	41	Bd5	Nd5	61		
2	c4	c6	22	h7	Bg7	42	Kf8	Nf7	62		
3	Nf3	Nf6	23	Rh5	a5	43	Be4	Rg8	63		
4	e3	Bg4	24	h4	cb	44	Rf7	Rg7	64		
5	Qb3	g6	25	Bb5	Nc6	45	Rg5	h7	65		
6	Ne5	g6	26	bc	Rg5	46	Kf8	Nf7	66		
7	ab	Bf5	27	Kg7	Nf4	47	Bd7	Nc6	67		
8	cb	cb	28	Bd7	Kf7	48	Bc6	h6	68		
9	Nc3	Be7	29	f4	Bd8	49	ef	Ke6	69		
10	b4	o-o	30	f5	ef	50	cf	Ke7	70		
11	b5	Rd8	31	Rf7	Bf6	51	cf	Ke7	71		
12	Nf4	g6	32	Nd7	Rd8	52	de	Ke6	72		
13	Nb6	Ra7	33	Bd7	Ke6	53	Kg6	Ke7	73		
14	Bd2	Re8	34	Nf7	Kf7	54	Kf7	Rg7	74		
15	Be2	Ne4	35	Nh7	Ke7	55	Kf7	Ke7	75		
16	g4	h7	36	Nf7	g5	56	Kf7	Ke7	76		
17	h4	h6	37	Rh8	Rh8	57	h7	Ke7	77		
18	Rg6	fxg6	38	Rg6	xb3	58	Kd6	Ke7	78		
19	Bd3	Nxd2	39	Kf7	Nd2	59	Kd6	Ke7	79		
20	Kxd2	Rf8	40	Rf7	Nf3	60	Kd6	Ke7	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Wang			Pellet			lin					